

BỘ NỘI VỤ

Số: *357* /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi)
Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (nhiệm kỳ 2009 - 2014) đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2009 tại Hà Nội.

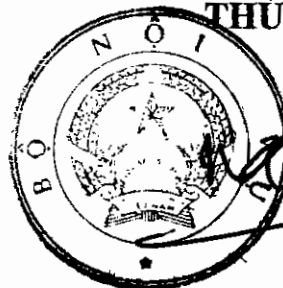
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đinh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Công an (C13);
- Lưu VT, TCPCP, G.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dinh
Nguyễn Tiến Dinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)
HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 357/QĐ-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 1. Tên Hội

1. Tên Hội: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.
2. Tên viết tắt tiếng Việt: Hội Quy hoạch Việt Nam.
3. Tên tiếng Anh: Vietnam Urban Planning and Development Association.
4. Viết tắt tiếng Anh: VUPDA.
5. Trụ sở của Trung ương Hội đặt tại Thủ đô Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tập hợp những người làm công tác quy hoạch và phát triển đô thị trong cả nước tự nguyện tham gia.

2. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, ra sức phấn đấu cho mục đích xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhằm góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, trụ sở và cơ quan ngôn luận riêng.

5. Hội được tham gia các tổ chức quốc tế cùng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác quy hoạch và phát triển đô thị trong cả nước thuộc các lĩnh vực: quy hoạch và thiết kế đô thị - nông thôn, thiết kế kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường; tư vấn, đào tạo, nghiên cứu khoa học về quy hoạch, đầu tư và phát triển đô thị.

2. Bảo vệ các quyền lợi hợp pháp về tinh thần, vật chất, đạo đức nghề nghiệp của các hội viên.

3. Thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong công tác quy hoạch và phát triển đô thị khi có yêu cầu; Thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước giao cho Hội.

4. Tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội khác trong việc nghiên cứu, xây dựng văn bản pháp luật, công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn đầu tư, đào tạo thuộc lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị.

5. Tuyên truyền phổ biến những kiến thức, kinh nghiệm, pháp luật góp phần nâng cao dân trí về quy hoạch và phát triển đô thị.

6. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp và hướng dẫn hoạt động hành nghề cho các hội thành viên, các đơn vị trực thuộc của Hội.

7. Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương II

HỘI VIÊN

Điều 4. Hội viên

Hội viên của Hội bao gồm:

1. Công dân, tổ chức của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, quản lý đô thị, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể được kết nạp là Hội viên của Hội.

2. Công dân, tổ chức của Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, có vai trò và công lao đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội, nhưng không có điều kiện trở thành Hội viên chính thức của Hội, nếu có nguyện vọng thì được Hội mời làm Hội viên liên kết hoặc Hội viên danh dự.

Điều 5. Thủ tục kết nạp Hội viên

1. Người có nhu cầu trở thành hội viên của Hội phải làm đơn xin gia nhập Hội.

2. Hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Hội cấp tỉnh) tiếp nhận hồ sơ, xem xét và trình Ban Chấp hành Hội cấp tỉnh xem xét quyết định và tổ chức kết nạp.

3. Đối với chi hội của các đơn vị chuyên môn như: nghiên cứu khoa học, đào tạo, sản xuất kinh doanh thuộc Trung ương Hội (dưới đây gọi tắt là chi hội cơ sở) thì chi hội cơ sở tiếp nhận hồ sơ xem xét và trình Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội quyết định. Chi hội cơ sở tổ chức kết nạp hội viên của mình sau khi có quyết định của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội.

Điều 6. Quyền của Hội viên

1. Tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
2. Ứng cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội, trừ các Hội viên liên kết và Hội viên danh dự.
3. Thảo luận dân chủ các mặt công tác của Hội.
4. Được Hội bảo vệ quyền tác giả, quyền hành nghề và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
5. Sử dụng những phương tiện, sự giúp đỡ của Hội về vật chất và tinh thần trong hoạt động nghề nghiệp của mình.
6. Được tham gia các Hội nghề nghiệp khác theo Điều lệ của Hội đó.
7. Được xin ra khỏi Hội. Khi có nguyện vọng ra khỏi Hội, Hội viên làm đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành Hội đã kết nạp để xoá tên.
8. Hội viên của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam được Trung ương Hội cấp thẻ Hội viên và tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, thực hiện nghị quyết, chương trình công tác của Hội và tham gia các hoạt động của Hội.
2. Phấn đấu đạt hiệu quả, chất lượng cao trong các hoạt động chuyên môn về quy hoạch và phát triển đô thị.
3. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và chuyên môn.
4. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi những kiến thức về lý luận, thực tiễn trong quy hoạch và phát triển đô thị.
5. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ danh dự và phẩm chất của Hội viên.
6. Đóng hội phí đầy đủ.

Chương III TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 8. Tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tổ chức và hoạt động của Hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí.
2. Tổ chức của Hội, gồm:
 - a) Ở Trung ương: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam;
 - b) Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh): Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh. Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh nếu tán

thành Điều lệ của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam làm đơn xin gia nhập Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam thì được công nhận là hội thành viên.

c) Ở cơ sở : Chi hội cơ sở; các tổ chức cơ sở có từ 10 hội viên trở lên có thể thành lập chi hội.

Điều 9. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ năm năm. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội yêu cầu. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban chấp hành đương nhiệm của Trung ương Hội quy định.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ qua, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới;

b) Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có);

c) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

d) Quyết định những vấn đề có liên quan nhằm phát triển Hội.

Điều 10. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do Đại hội ấn định và trực tiếp bầu.

2. Ban Chấp hành có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội;

b) Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Hội;

c) Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội;

d) Theo dõi hoạt động các hội cấp tỉnh là thành viên của Hội và các tiêu ban chuyên môn;

đ) Bầu Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên;

e) Bầu bổ sung các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ Đại hội nếu cần thiết, nhưng số Ủy viên được bầu bổ sung không vượt quá 1/3 số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội đương nhiệm đã được Đại hội bầu theo quy định;

g) Ban Chấp hành Trung ương Hội họp định kỳ 1 năm 1 lần (trừ trường hợp đột xuất).

Điều 11. Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội

1. Đoàn Chủ tịch là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Đoàn Chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu.

3. Đoàn Chủ tịch gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên.

4. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các mặt công tác của Hội. Lãnh đạo thực hiện các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Hội giữa 2 kỳ họp của Ban Chấp hành;

b) Lãnh đạo, quản lý trực tiếp các tổ chức thuộc Hội, chi hội cơ sở;

c) Thông qua dự án và các văn bản hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định thành lập các ban chuyên môn;

đ) Xét khen thưởng và kỷ luật.

5. Đoàn Chủ tịch họp định kỳ 3 tháng 1 lần, khi cần thiết Chủ tịch Hội triệu tập họp bất thường.

Điều 12. Chủ tịch Hội

Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương Hội và Đoàn Chủ tịch Hội, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội, Đoàn Chủ tịch và đề cử các Ủy viên Đoàn Chủ tịch và Chủ tịch Đoàn. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

Điều 13. Chủ tịch danh dự của Hội

Chủ tịch danh dự của Hội là cá nhân có vai trò và nhiều công lao to lớn đóng góp cho các hoạt động thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển của Hội được Ban Chấp hành Trung ương Hội mời và được Đại hội nhất trí thông qua theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

Điều 14. Phó Chủ tịch Hội

Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội, thay mặt Chủ tịch ký các văn bản thuộc thẩm quyền được giao.

Điều 15. Tổng Thư ký

Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động của Văn phòng Trung ương Hội, ký các văn bản thuộc thẩm quyền được giao. Khi cần thiết, Tổng Thư ký Hội đề nghị Đoàn Chủ tịch Hội xem xét và quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Điều lệ, quy chế và chương trình công tác hàng năm của Hội;

b) Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh;

c) Kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội; xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

Điều 17. Hội Quy hoạch phát triển đô thị cấp tỉnh và chi hội cơ sở trực thuộc Trung ương Hội

1. Việc thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật. Việc thành lập chi hội cơ sở trực thuộc Trung ương Hội do Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội quyết định.

2. Các Hội Quy hoạch phát triển đô thị cấp tỉnh có điều lệ riêng theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam. Các chi hội cơ sở trực thuộc Trung ương Hội có quy chế hoạt động riêng, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và Điều lệ Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

Chương IV

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 18. Tài chính của Hội

1. Tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội phù hợp với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

2. Nguồn tài chính của Hội bao gồm:

a) Kinh phí tài trợ của ngân sách Nhà nước;

b) Hội phí của Hội viên;

c) Kinh phí từ các hoạt động tư vấn, nghiên cứu khoa học, sáng tác, sản xuất, thiết kế, dịch vụ và đào tạo của Hội;

d) Kinh phí do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ;

đ) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 19. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội bao gồm các tài sản cố định và các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Hội được tạo ra từ nguồn tài chính của Hội.

2. Khi Hội giải thể thì tài sản của Hội được xử lý theo quy định của Pháp luật.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 20. Khen thưởng

1. Hàng năm hoặc định kỳ, Ban Chấp hành Trung ương Hội xét khen thưởng các hội viên xuất sắc, các hội, các chi hội có nhiều thành tích hoạt động nghề nghiệp và cho những công trình, sáng tạo xuất sắc trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị. Giải thưởng về thiết kế quy hoạch và phát triển đô thị.

2. Quỹ khen thưởng được lấy từ các nguồn tài trợ và tài chính của Hội.

Điều 21. Kỷ luật

Việc thi hành kỷ luật các Hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và nguyên tắc hoạt động của Hội và khai trừ Hội viên ra khỏi Hội do cấp Hội có thẩm quyền kết nạp quyết định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi Điều lệ Hội

Điều lệ của Hội được sửa đổi khi có đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Hội và phải được Đại hội Đại biểu toàn quốc thông qua với trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu dự Đại hội tán thành.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 6 Chương, 23 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2009 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Các hội viên và tổ chức trực thuộc Hội chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này. /.

Kiến